TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/6/2025
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Thu

2. Bà Nguyễn Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện VKSND huyện TL tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1983 *"Có mặt"*
Địa chỉ: Xóm m, thôn BK, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

***Bị đơn*:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 *"Có mặt"*
HKTT: Xóm m, thôn BK, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Đội z, thôn ĐT, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phạm Nguyễn Việt Q, sinh ngày 12/10/2010 *"Có mặt"*
Địa chỉ: Đội z, thôn ĐT, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

- Cháu Phạm Mai L1, sinh ngày 08/5/2013 *"Có mặt"*
Địa chỉ: Xóm m, thôn BK, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho các cháu Q, Lan**:** Anh Phạm Văn Đ và Chị Nguyễn Thị L - Bố, mẹ đẻ các cháu.

Người làm chứng: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1949 *"Vắng mặt"*
Địa chỉ: Xóm m, thôn BK, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Phạm Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn với chị L, anh Đ có vợ nhưng đã ly hôn. Anh và chị L tự quen biết nhau, được tự do tìm hiểu và có đăng ký hôn tại UBND xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/12/2009. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh được bố mẹ anh cho ăn ở riêng trên nhà đất của bố mẹ anh có từ trước tại thôn BK, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng về tự do, tín ngưỡng tôn giáo, chị L đi theo đạo Công giáo có những suy nghĩ và hành động khắc nghiệt và khác biệt với phong tục của địa phương cũng như của gia đình anh. Chị L theo đạo một cách cuồng tín, chị mua tượng thánh mang về nhà thờ, bắt anh và các con phải học giáo lý, đi lễ thường xuyên và phải đi theo đạo suốt đời làm ảnh hưởng đến tâm lý, học hành của các con. Bản thân anh không muốn đi theo đạo Công giáo nên có tham gia, góp ý, phân tích nhiều để chị L hạn chế sự tin tưởng vào đạo Công giáo nhưng chị L không nghe mà có thái độ gay gắt với anh nên anh đã đập vỡ tượng thánh, cấm chị L mang tượng thánh về nhà thờ, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi nhau. Việc mẫu thuẫn của vợ chồng cũng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được. Chị L vẫn tuyệt đối tin và đi theo đạo Công giáo nên mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng hơn, tình cảm vợ chồng nhạt dần, không còn yêu thương chăm sóc nhau. Đến năm 2024 vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó có đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế hoàn toàn độc lập. Trong thời gian sống ly thân anh cũng có đến gặp chị L 2-3 lần để nói chuyện giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, nhưng chị L không thay đổi, vẫn cương quyết đi theo đạo công giáo. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị L không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cháu Phạm Nguyễn Việt Q, sinh ngày 12/10/2010, Phạm Mai L1, sinh ngày 08/5/2013. Hiện cháu Q đang ở cùng với chị L, cháu L1 đang ở cùng với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L1, còn cháu Q để chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau. Cháu L1 xin được ở cùng mẹ, nhưng anh nhận thấy chị L không đủ điều kiện về kinh tế, khả năng giáo dục, chăm sóc cháu L1 được tốt nên anh giữ nguyên quan điểm xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L1.

Về tài sản chung; công sức, nợ chung: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Phạm Văn Đ quen nhau là do có người quen giới thiệu, được tự do tìm hiểu và đồng ý kết hôn. Việc chị kết hôn cùng anh Đ, gia đình chị không đồng ý vì gia đình theo đạo Công giáo, còn anh Đ không theo đạo Công giáo, nhưng do chị cương quyết lên gia đình cũng đành chấp nhận để chị kết hôn với anh Đ. Chị và anh Đ có đăng ký hôn tại UBND xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/12/2009. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về ăn ở chung cùng bố mẹ anh Đ được khoảng 3 tháng thì được bố mẹ anh Đ cho vợ chồng ra ăn ở riêng trên nhà đất của bố mẹ anh Đ có từ trước tại thôn BK, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Đến năm 2012 vợ chồng xây nhà hai tầng rộng 200m^2 nhà trên đất của bố mẹ anh Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ yêu cầu chị đòi tiền em T (T là em rể con nhà chú họ của chị) vay vợ chồng chị tiền nhưng chị không đòi được, anh Đ đã chửi mắng chị, ngoài ra chị không biết lý do tại sao anh Đ còn mang tượng thánh chị đang thờ trong nhà ra đập tan nát, cấm không cho chị thờ tượng thánh, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, trong lúc xảy ra cãi nhau anh Đ đánh chị. Việc vợ chồng cãi nhau, anh Đ đập tượng thánh mẹ chồng chị có biết và hòa giải, anh Đ xin lỗi, hứa hẹn sửa đổi nhưng chỉ được thời gian ngắn anh Đ vẫn chửi mắng, gầm ghè về việc chị thờ tượng thánh nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không còn yêu thương chăm sóc nhau. Tháng 9 năm 2024 vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh Đ đã đánh chị nhưng không xảy ra thương tích gì nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, kinh tế hoàn toàn độc lập. Trong thời gian sống ly thân anh Đ có 2 lần sang nói chuyện với bố mẹ chị (không trực tiếp nói chuyện với chị) đón chị về, nhưng chị không về. Nay anh Đ có đơn ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh Đ không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên chị đồng ý ly hôn. Chị không thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cháu Phạm Nguyễn Việt Q, sinh ngày 12/10/2010 và Phạm Mai L1, sinh ngày 08/5/2013. Hiện cháu Q đang ở cùng với chị, cháu L1 đang ở cùng với anh Đ. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Q và L1. Chị yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung; công sức, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án không tiến hành hòa giải được do chị L vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn Anh Phạm Văn Đ giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên. Về con chung anh Đ bổ sung ý kiến: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu L1, nay anh có nguyện vọng được

nuôi cả hai con chung, trong trường hợp anh chỉ được nuôi một cháu thì giao cháu L1 hay cháu Q cho anh nuôi anh cũng đồng ý.

* Bị đơn Chị Nguyễn Thị L giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, chị Lan thay đổi không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện TL đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Phạm Văn Đ và Chị Nguyễn Thị L.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cháu Phạm Nguyễn Việt Q, sinh ngày 12/10/2010, Phạm Mai L1, sinh ngày 08/5/2013.

Giao Cháu Phạm Nguyễn Việt Q, sinh ngày 12/10/2010 cho Chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng và giao Cháu Phạm Mai L1, sinh ngày 08/5/2013 cho Anh Phạm Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Anh Đ, chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng*:* Anh Phạm Văn Đ yêu cầu giải quyết ly hôn Chị Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú: thôn AT, xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hưng Yên.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ và Chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 25/12/2009 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đ: Theo anh Đ nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng về tự do, tín ngưỡng tôn giáo, chị L đi theo đạo Công giáo có những suy nghĩ và hành động khắc nghiệt, chị L theo đạo một cách cuồng tín, chị mua tượng thánh mang về nhà thờ, bắt anh, các con phải học giáo lý, đi lễ thường xuyên và phải đi theo đạo suốt đời, làm ảnh hưởng đến tâm lý, học hành của các con. Anh tham gia, góp ý, phân tích nhiều để chị L hạn chế sự tin tưởng vào đạo Công giáo nhưng chị L không nghe, có thái độ gay gắt với anh, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát cãi nhau. Chị L xác định vợ chồng có mâu thuẫn do anh Đ yêu cầu chị đòi tiền em T (T là em rể con nhà chú họ của chị) vay vợ chồng chị tiền nhưng chị không đòi được, anh Đ đã chửi mắng chị, ngoài ra chị không biết lý do tại sao anh Đ còn mang tượng thánh chị đang thờ trong nhà ra đập tan nát, cấm không cho chị thờ tượng thánh, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, trong lúc xảy ra cãi nhau anh Đ đánh chị. Việc vợ chồng cãi nhau, anh Đ đập tượng thánh mẹ chồng chị có biết và hòa giải, anh Đ xin lỗi, hứa hẹn sửa đổi nhưng chỉ được thời gian ngắn anh Đ vẫn chửi mắng, gầm ghè về chị thờ tượng thánh nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không còn yêu thương chăm sóc nhau.

Mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ, chị L được Bà Trần Thị Đ - mẹ đẻ anh Đ cung cấp: Quá trình chung sống vợ chồng anh Đ, chị L có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm về tôn giáo, chị L theo đạo Công giáo, còn anh Đ không theo đạo nào nên chị L muốn anh Đ và các con đều phải theo đạo cùng chị nhưng anh Đ đồng ý, không muốn các con theo đạo ảnh hưởng đến việc học tập nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Gia đình bà cũng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Tháng 9 năm 2024 vợ chồng anh Đ xảy ra cãi nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Cháu Phạm Nguyễn Việt Q - con trai anh Đ, chị L cung cấp: Mẹ và bố cháu không ở cùng nhau từ tháng 9/2024 cho đến nay. Cháu có chứng kiến bố mẹ cháu cãi nhau, bố có đánh mẹ. Còn lý do tại sao bố mẹ cãi nhau, cháu không biết. Nay bố mẹ cháu không ở cùng nhau nữa, cháu xin được ở cùng với mẹ.

Cháu Phạm Mai L1 - con gái anh Đ, chị L cung cấp: Cháu có thấy bố mẹ cháu xảy ra cãi nhau, bố có đập tượng thánh mẹ mua về để thờ. Mẹ và anh Q về ở cùng nhà ông bà ngoại cũng được gần một năm rồi. Nay bố mẹ cháu không ở cùng nhau nữa, nguyện vọng cháu xin được ở cùng với mẹ.

Từ những căn cứ trên xác định vợ chồng anh Đ, chị L xảy ra mâu thuẫn từ 2021 nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng về tự do, tín ngưỡng tôn giáo, chị L đi theo đạo Công giáo có mua tượng thánh mang về nhà thờ, muốn chồng, các con phải học giáo lý, đi lễ thường xuyên và phải đi theo đạo suốt đời, làm ảnh hưởng đến tâm lý, học hành của các con. Anh Đ không muốn đi theo đạo

Công giáo nên có tham gia, góp ý, phân tích nhiều để chị L hạn chế sự tin tưởng vào đạo Công giáo nhưng chị L không nghe, có thái độ gay gắt với anh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát đánh cãi nhau. Việc vợ chồng cãi nhau, được gia đình hòa giải nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không còn yêu thương chăm sóc nhau. Tháng 9 năm 2024 vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh Đ và chị L đều xác định không còn tình cảm với nhau, chị L đồng ý ly hôn. Như vậy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị L đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc anh Đ xin ly hôn chị L là có căn cứ chấp nhận. Chị L đồng ý ly hôn, việc anh chị thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cháu Phạm Nguyễn Việt Q, sinh ngày 12/10/2010, Phạm Mai L1, sinh ngày 08/5/2013. Anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu L1, chị L có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Xét về điều kiện nuôi dưỡng con của anh Đ, chị L: Hiện tại cả hai anh chị đều có công việc và thu nhập ổn định, cùng được bố mẹ đẻ và được gia đình tiếp tục tạo điều kiện về chỗ ở nên cả hai anh chị đều đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở cho việc nuôi dưỡng các cháu. Mặc dù cả cháu Q và L1 đều có nguyện vọng được ở cùng chị L nhưng do anh chị mỗi người đang nuôi một cháu, để ổn định về cuộc sống và việc học tập của các cháu nên sẽ giao cháu Q cho chị L và giao cháu L1 cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị L đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau, xét đây là sự tự nguyện của anh Đ, chị L nên được ghi nhận. Do vậy anh Đ và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

2.3. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh Đ và chị L đều xác định không có và không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân**:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh Phạm Văn Đ và Chị Nguyễn Thị L.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cháu Phạm Nguyễn Việt Q, sinh ngày 12/10/2010, Phạm Mai L1, sinh ngày 08/5/2013.

Giao Cháu Phạm Nguyễn Việt Q, sinh ngày 12/10/2010 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng và giao Cháu Phạm Mai L1, sinh ngày 08/5/2013 cho Anh Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung với nhau.

Anh Đ, chị L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Đ, chị L và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị L, anh Đ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu ký hiệu: BLTU/24 số 0001127 ngày 10/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TL, tỉnh Hưng Yên. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKS huyện TL;*
- *Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;*
- *Chi cục THADS huyện TL;*
- *UBND xã C (Đăng ký số 97 ngày 25/12/2009).*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý